

Số: 190/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Thư ký phiên họp: Bà Thái Thị Yến- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 269/2025/TLST-VLĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 156/2025/QĐST-LĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Trịnh Thị P, sinh năm 1987; nơi thường trú: Là Thôn, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Y, tỉnh Thanh Hóa).

- *Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu:* Ông Phạm Đình N, sinh năm 1986; địa chỉ: Số A, khu phố C, phường B, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (giấy ủy quyền số công chứng 005016/2025/CCGD ngày 05/8/2025), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Trịnh Thị Đ, sinh năm 1989; nơi thường trú: Thôn B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã X, tỉnh Thanh Hóa), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Công ty TNHH T; địa chỉ: Số B, đường Đ, KCN S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- Bảo hiểm xã hội cơ sở D thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H; địa chỉ: Đường T, khu đô thị T, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu trình bày:*

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2006 đến tháng 4/2009 bà P đang giao kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty cổ phần L với mã bảo hiểm xã hội số 9106095548. Sau đó từ tháng 9/2006 đến tháng 02/2007 bà P giao kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty TNHH T và có đóng bảo hiểm xã hội số 9106171117.

Nay bà P tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà P bị trùng.

Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội là do từ tháng 9/2006 đến tháng 02/2007 bà Đ sử dụng thông tin của bà P giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH T. Quá trình làm việc, bà Đ được Công ty TNHH T tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ bảo hiểm là 9106171117. Vì thiếu hiểu biết, nghĩ rằng việc cho bà Đ mượn chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T là không vi phạm gì và chỉ mong muốn cho bà Đ có công việc để trang trải cuộc sống.

Nay bà P yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà P và Công ty TNHH T là vô hiệu và không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị Đ trình bày:

Khoảng tháng 9/2006 đến tháng 02/2007, bà Đ có mượn chứng minh nhân dân của bà P để giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH T với số sổ bảo hiểm xã hội là 9106171117. Nay bà Đ thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà P và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà P với Công ty TNHH T vô hiệu. Bà Đ cũng không yêu cầu gì liên quan đến bảo hiểm trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Đ và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết việc lao động.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp, người yêu cầu bà P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đ, Bảo hiểm xã hội cơ sở D thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật, Công ty TNHH T chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà P là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người yêu cầu bà P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đ, Bảo hiểm xã hội cơ sở D thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Công ty TNHH T đã được triệu tập họp

lệ để tham gia phiên họp nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian từ tháng 9/2006 đến tháng 02/2007 bà P giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 9106171117. Tuy nhiên, bà P và bà Đ đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T và thực tế làm việc tại công ty T1 khoảng thời gian nói trên là bà Đ (do bà P cho bà Đ mượn chứng minh nhân dân).

[3] Xét thấy, lời khai của bà P và bà Đ phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội tỉnh B (bút lục 31). Theo đó, trong khoảng thời gian từ tháng 9/2006 đến tháng 02/2007, bà P đang giao kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty TNHH T và từ tháng 5/2006 đến tháng 4/2009, bà P đang giao kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty cổ phần L, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp số sổ 9106095548. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T trong khoảng thời gian tháng 9/2006 đến tháng 02/2007 là bà Đ, không phải là bà P. Đây là hợp đồng lao động không đúng về chủ thể, thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà P về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà P với Công ty TNHH T theo sổ bảo hiểm xã hội số 9106171117 bị vô hiệu.

[5] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, chấp nhận yêu cầu của bà P và ý kiến của bà Đ về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH T trong giai đoạn từ tháng 9/2006 đến tháng 02/2007 là bà Đ, không phải là bà P. Bà P và bà Đ có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 9106171117.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Bà P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Trịnh Thị P.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trịnh Thị P với Công ty TNHH T (theo sổ bảo hiểm xã hội số 9106171117) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 9106171117 không phải là bà Trịnh Thị P, sinh ngày 13/01/1987; giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 038187016589. Bà Trịnh Thị P được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 9106171117.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Trịnh Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0009316 ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT,HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Thị Thu Hà